

奈良県記録

2016年12月現在

種目	種別	記録	氏名	年	備考
シングル	RC	1313	福田圭宏	2008	
	CP	1363	小川佳記	2011	
70R	RC	654	福田圭宏	2013	
50R	CP	683	小川佳記	2015	
50、30	RC	685	上村乃太	1977	
	CP	693	竹村公作	2002	
90m	RC	311	加藤秀人	1998	
	CP	335	小川佳記	2012	
70m	RC	337	福田圭宏	2008	
	CP	347	小川佳記	2010	
50m	RC	336	福田圭宏	2008	
	CP	348	浅田 博	2013	
30m	RC	353	上村乃太	1997	
	CP	358	笹尾茂寿	2006	

種目	種別	記録	氏名	年	備考
シングル	RC	1264	高岡祐希	2004	
	CP	1353	河合暁子	2003	
70R	RC	591	松長市子	2009	
50R	CP	676	小川尚美	2016	更新
50、30	RC	645	細田風子	1999	
	CP	687	河合暁子	2003	
70m	RC	318	細田風子	1999	
	CP	338	河合暁子	2000	
60m	RC	318	細田風子	1999	
	CP	339	河合暁子	2001	
50m	RC	319	石川裕子	1997	
	CP	332	河合暁子	1999	
30m	RC	341	河原真紀子	1999	
	CP	356	河合暁子	2003	

種目	種別	記録	氏名	年	備考
25.18	RC	578	上村乃太	1994	
18X2	RC	582	上村乃太	1996	
	CP	581	小川佳記	2013	
25m	RC	291	加藤秀人	1994	
18m	RC	294	福田圭宏	2006	
	CP	293	小川佳記	2012	

種目	種別	記録	氏名	年	備考
25.18	RC	542	松田明子	1996	
18X2	RC	556	林 香里	2009	
	CP	573	小川尚美	2016	更新
25m	RC	278	松田明子	1996	
18m	RC	283	布谷 彩	2006	
	CP	291	小川尚美	2016	更新